

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2689/QĐ-ĐHNH, ngày 05 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh)*

1. Thông tin chung:

- Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Hình thức đào tạo : CHÍNH QUY TẬP TRUNG
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
- Tổng số lượng tín chỉ: 130

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Tài chính - Ngân hàng chương trình chất lượng cao nắm vững kiến thức nền tảng, hiện đại về kinh tế, kinh doanh, quản lý; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tài chính ngân hàng; có đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân tốt; có năng lực nghiên cứu, hoạch định, thực thi và giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chuẩn đầu ra	Mô tả
Kiến thức	
PLO 1	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội như: Chính trị, pháp luật, tâm lý để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.
PLO 2	Có kiến thức cơ bản về toán, tin học, phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.

PLO 3	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, kế toán để vận dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
PLO 4	Có kiến thức chuyên sâu về ngân hàng, đầu tư tài chính, tài chính doanh nghiệp nhằm vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
PLO 5	Có các kiến thức bổ trợ về tiếng Anh, giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo, phương pháp tư duy để giải quyết các vấn đề phát sinh trong nghề nghiệp.
Kỹ năng	
PLO 6	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng
PLO 7	Có các kỹ năng cá nhân như: giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo, làm việc nhóm, tư duy phản biện để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế.
PLO 8	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu
Thái độ	
PLO 9	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật trong công việc
PLO 10	Có ý thức tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước
PLO 11	Có tinh thần cầu tiến và sẵn sàng làm việc trong môi trường quốc tế.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, có năng lực đảm nhiệm các nhóm vị trí công việc như sau:

- **Nhóm 1:** Chuyên viên các bộ phận nghiệp vụ liên quan đến tài chính – ngân hàng tại các định chế tài chính như: ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, công ty bảo hiểm ...
- **Nhóm 2:** Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính tại các doanh nghiệp phi tài chính

- **Nhóm 3:** Cán bộ hoạch định chính sách và quản lý nhà nước về tài chính – tiền tệ tại các cơ quan Nhà nước.

- **Nhóm 4:** Tiếp tục theo học ở các bậc cao hơn trong và ngoài nước để đảm nhiệm các vị trí nghiên cứu viên, giảng viên về tài chính – ngân hàng tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo tối đa là 08 năm, gồm: 04 năm thời gian đào tạo thiết kế - là thời gian đào tạo chuẩn để hoàn thành khoá học, 02 năm thời gian đào tạo kéo dài thêm, và 02 năm thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng.

Sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 1 năm so với thời gian đào tạo thiết kế.

Khi hết thời gian đào tạo thiết kế mà sinh viên chưa hoàn thành CTĐT theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Phòng Đào tạo cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài thêm* để hoàn thành CTĐT; khi hết *thời gian đào tạo kéo dài thêm* mà sinh viên vẫn chưa hoàn thành CTĐT theo quy định, sinh viên được nộp đơn, đề nghị Hiệu trưởng cho phép sử dụng 02 năm *thời gian đào tạo kéo dài cuối cùng* để hoàn thành CTĐT.

Sau khi hết thời gian đào tạo tối đa (08 năm) sinh viên không hoàn thành CTĐT sẽ được giải quyết theo quy định trong Quy chế đào tạo.

Việc chuyển đổi học tập từ chương trình đại học chính quy chất lượng cao sang chương trình đại học chính quy và ngược lại được thực hiện theo Quy chế quản lý học vụ chương trình chất lượng cao trình độ đại học.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức Chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng bao gồm:

- Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 130 tín chỉ
- Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 36 tín chỉ tiếng Anh tăng cường
- Chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng gồm 05 tín chỉ giáo dục thể chất và 08 tín chỉ giáo dục quốc phòng.

Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp loại tốt nghiệp. Các học phần trong chương trình giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng là học phần điều kiện, không tính vào điểm bình quân và xếp loại tốt nghiệp.

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/xét tuyển vào chương trình đại học chính quy chất lượng cao trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hàng năm.

Sinh viên trúng tuyển vào chương trình đại học chính quy ngành tương ứng có nguyện vọng được phép đăng ký chuyển sang học Chương trình đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng. Điều kiện chuyển đổi được quy định tại Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra, để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính Ngân hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh theo quy định;
- Sinh viên phải đạt trình độ tin học theo quy định;
- Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường;
- Hoàn thành các học phần tiếng Anh tăng cường theo quy định của Nhà trường;
- Được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường.

8. Khả năng chuyển đổi tín chỉ quốc tế

Sinh viên có thể tham gia chương trình chuyển đổi tín chỉ quốc tế theo các hợp đồng đã ký kết giữa trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và các trường đại học đối tác nước ngoài (trong đó có Đại học Griffith, Australia). Khi sinh viên chuyển sang học tại các trường đối tác sẽ được miễn giảm các học phần tương ứng đã học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và nhận bằng do Trường đối tác cấp.

9. KẾT CẤU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9.1. Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TRỌNG SỐ
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	11	24	18%
2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	19	53	41%
3	KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	16	53	41%
	TỔNG CỘNG	46	130	100%

9.2. Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Giáo dục thể chất/Physical Education	5
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/National Defence and Security Education Programmes	8
	TỔNG CỘNG	13

Lưu ý: Các học phần trong Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng là điều kiện khi xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập và xếp loại tốt nghiệp.

9.3. Chương trình đào tạo tăng cường

MỤC	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Tiếng Anh tăng cường/ Intensive <i>English</i> (*)	36
2	Kỹ năng mềm/Soft skills	8
	TỔNG CỘNG	28

(*) Lưu ý: Số tín chỉ trong Khối kiến thức tiếng Anh tăng cường bao gồm cả phần bắt buộc và phần tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên. Ngoài ra sinh viên còn có thể được miễn giảm các học phần tiếng Anh tăng cường tùy thuộc vào trình độ tiếng Anh thực tế của sinh viên.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	24
1.1	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3
1.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2
1.3	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2
1.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>History of the Vietnamese Communist Party</i>	2
1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2
1.6	Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1 (Đại số tuyến tính/ Linear Algebra)</i>	2
1.7	Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2 (Giải tích/ Analysis)</i>	2
1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Theory of Probability and Statistics</i>	3
1.9	Mô hình toán kinh tế/ <i>Economics Mathematical Model</i>	2
1.10	Lý luận về nhà nước và pháp luật/ <i>Theory of State and Law</i>	2
1.11	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	2
2	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	53
	Học phần bắt buộc	
2.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3
2.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3
2.3	Nguyên lý thống kê/ <i>Principles of Statistic</i>	2
2.4	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3
2.5	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3
2.6	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3

2.7	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	2
2.8	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	2
2.9	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3
2.10	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3
2.11	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Method</i>	2
2.12	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Money</i>	3
2.13	Thị trường tài chính và các định chế tài chính/ <i>Financial Markets and Institutions</i>	3
2.14	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3
2.15	Kế toán tài chính 1/ <i>Financial Accounting 1</i>	3
2.16	Tài chính công ty đa quốc gia/ <i>Multinational Corporation Finance</i>	3
2.17	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for Specific Purposes 1</i>	3
2.18	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng/ <i>English for Banking and Finance</i>	3
	Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	
2.19	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Theories</i>	3
2.20	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3
2.21	Kinh tế học phát triển/ <i>Development Economics</i>	3
3	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	53
	Kiến thức ngành	26
	Học phần bắt buộc	
3.1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng/ <i>Banking Operations</i>	3
3.2	Phân tích tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance Analysis</i>	3
3.3	Thuế/ <i>Taxation</i>	3
3.4	Marketing dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services Marketing</i>	3
3.5	Thẩm định dự án đầu tư/ <i>Investment Project Appraisal</i>	3
3.6	Quản trị ngân hàng thương mại/ <i>Commercial Banking Management</i>	3

3.7	Kinh tế lượng ứng dụng (trong tài chính)/ <i>Applied Econometrics</i>	2
	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)	
3.8	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	3
3.9	Kinh doanh ngoại hối/ <i>Foreign Exchange Trade</i>	3
3.10	Kế toán ngân hàng/ <i>Banking Accounting</i>	3
3.11	Kế toán quản trị/ <i>Management Accounting</i>	3
3.12	Khởi nghiệp kinh doanh/ <i>Entrepreneurship</i>	3
3.13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Corporate Culture</i>	3
	Kiến thức chuyên ngành	15
3.14	Tín dụng ngân hàng/ <i>Bank Credit</i>	3
3.15	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3
3.16	Đầu tư tài chính/ <i>Finance Investment</i>	3
3.17	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư/ <i>Investment Banking</i>	3
3.18	Quản lý danh mục đầu tư/ <i>Portfolio Management</i>	3
3.19	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3
3.20	Khóa luận tốt nghiệp / <i>Dissertations</i>	9

10.2. Chương trình Giáo dục thể chất quốc phòng:

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Các học phần giáo dục thể chất	5
1.1	Giáo dục thể chất 1/Physical Education 1	1
1.2	Giáo dục thể chất 2/Physical Education 2	1
1.3	Giáo dục thể chất 3/Physical Education 3	1
1.4	Giáo dục thể chất 4/Physical Education 4	1
1.5	Giáo dục thể chất 5/Physical Education 5	1
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/ National Defence and Security Education Programmes (*)	8
	TỔNG CỘNG	13

(*) Học phần Giáo dục quốc phòng an ninh được tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo chương trình riêng.

10.3. Chương trình đào tạo tăng cường

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Chương trình tiếng Anh tăng cường	
1.1	Tiếng Anh tăng cường 1 /Intensive English 1 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 1 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 1 (2 tín chỉ)	4
1.2	Tiếng Anh tăng cường 2 /Intensive English 2 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 2 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 2 (2 tín chỉ)	4
1.3	Tiếng Anh tăng cường 3 /Intensive English 3 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 3 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 3 (2 tín chỉ)	4
1.4	Tiếng Anh tăng cường 4 /Intensive English 4 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 4 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 4 (2 tín chỉ)	4
1.5	Tiếng Anh tăng cường 5 /Intensive English 5 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 5 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 5 (2 tín chỉ)	4
1.6	Tiếng Anh tăng cường 6 /Intensive English 6 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 6 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 6 (2 tín chỉ)	4
1.7	Tiếng Anh tăng cường 7 /Intensive English 7	4

	Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 7 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 7 (2 tín chỉ)	
1.8	Tiếng Anh tăng cường 8 /Intensive English 8 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 8 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 8 (2 tín chỉ)	4
1.9	Tiếng Anh tăng cường 9 /Intensive English 9 Bao gồm: Tiếng Anh: Đọc – viết 9 (2 tín chỉ) Tiếng Anh: Nghe – nói 9 (2 tín chỉ)	4
2	Chương trình kỹ năng mềm	
2.1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình/ <i>Communication and Presentation Skills</i>	2
2.2	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm/ <i>Leadership and Teamworking Skills</i>	2
2.3	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề / <i>Analysing and Problem Solving Skills</i>	2
2.4	Kỹ năng ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng / <i>Skills for applying new technology in finance and banking</i>	2
	TỔNG CỘNG	44

Lưu ý:

- Các học phần Tiếng Anh tăng cường từ 1 đến 7 là bắt buộc, các học phần tiếng Anh tăng cường 8 và 9 là tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên.
- Bắt đầu mỗi khóa học và mỗi năm học, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên. Căn cứ vào kết quả kiểm tra hoặc các chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên, Trường sẽ xác định các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên được miễn và các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Tổ chức đào tạo: Lớp học phần được tổ chức khi đăng ký môn học, có số tối đa là 40 sinh viên và tối thiểu là 20 sinh viên, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt do

Hiệu trưởng quyết định. Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn.

11.2. Điều kiện và chuẩn đầu ra tin học:

- Điều kiện (chuẩn tin học đầu vào) để được học môn Tin học ứng dụng – tổ chức ở học kỳ III, IV: sinh viên phải đạt trình độ tin học tối thiểu tương ứng trình độ của chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương; hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ tin học do Trường tổ chức.

- Điều kiện (chuẩn tin học đầu ra) để xét tốt nghiệp: sinh viên phải đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hoặc tương đương.

- Việc thực hiện nộp chứng chỉ tin học các trình độ nêu trên được Nhà Trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoá đào tạo.

11.3. Điều kiện và chuẩn đầu ra tiếng Anh:

- Điều kiện (chuẩn tiếng Anh đầu vào) để được học môn Tiếng Anh chuyên ngành 1 – tổ chức ở học kỳ IV): sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 4.5 hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức. (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Điều kiện (chuẩn tiếng Anh đầu ra) để được xét tốt nghiệp: sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 4/6 theo quy định của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tức tương đương trình độ IELTS 5.5 (trường hợp sử dụng các chứng chỉ tiếng Anh khác: thực hiện quy đổi trình độ tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT).

- Việc thực hiện nộp chứng chỉ ngoại ngữ các trình độ nêu trên được Nhà Trường thông báo chi tiết, cụ thể cho sinh viên các khoá đào tạo

11.4. Các học phần được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh và các học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh

- Có hơn 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng Tiếng Anh. Các học phần cụ thể bao gồm:
 - Hoạt động kinh doanh ngân hàng, Đầu tư tài chính, Quản lý danh mục đầu tư, Thanh toán quốc tế, Kế toán quản trị, Khởi nghiệp kinh doanh, Kinh doanh ngoại hối (Áp dụng từ khóa 5).
 - Kinh tế học quốc tế (Áp dụng từ khóa 6)

- Điều kiện để học các học phần giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh là sinh viên đã đạt chứng chỉ IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức.
- Ngoài ra còn có một số học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, học tập được quy định cụ thể tại đề cương các học phần.

11.5. Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường:

Chương trình tiếng Anh tăng cường được thực hiện theo quy định về tổ chức giảng dạy tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình đào tạo chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

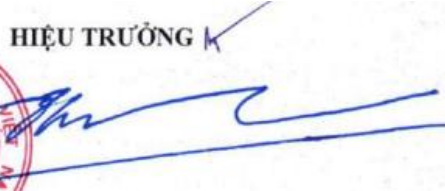
11.6. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm.

11.7. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

11.8. Khoá luận tốt nghiệp: Sinh viên được yêu cầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp, và được khuyến khích thực hiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

11.9. Tham quan, kiến tập, thực hành: Nhà trường tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch hoặc lồng ghép trong các học phần ngành và chuyên ngành.

11.10. Đội ngũ giảng viên: Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của BGD&ĐT và quy định của Trường. Hàng năm Hiệu trưởng phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao. Danh sách này được công bố trên website chính thức của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. Bùi Hữu Toàn

